|  |  |
| --- | --- |
| **ĐIỂM** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**  **Môn: Khoa học tự nhiên**  **Kết nối tri thức**  **ĐỀ 1** |

1. **Trắc nghiệm**
2. **Vật Lý**

Câu 1: Điền từ thích hợp vào chỗ trống. Các vật nhiễm điện ………… thì đẩy nhau, ………….. thì hút nhau

A. Khác loại, cùng loại

B. Cùng loại, khác loại

C. Như nhau, khác nhau

D. Khác nhau, như nhau

Câu 2: Có thể làm nhiễm điện cho một vật bằng cách

A. Cọ xát vật

B. Nhúng vật vào nước đá

C. Cho chạm vào nam châm

D. Nung nóng vật

Câu 3: Phát biểu nào dưới đây sai:

A. Mạch điện kín là mạch gồm các thiết bị điện nối kín hai đầu với nhau.

B. Mạch điện kín là mạch nối liền các thiết bị điện với hai cực của nguồn điện.

C. Muốn mắc một mạch điện kín thì phải có nguồn điện và các thiết bị dùng điện cùng dây nối.

D. Mỗi nguồn điện đều có hai cực, dòng điện chạy trong mạch kín nối liền các thiết bị điện với hai cực nguồn điện.

Câu 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Dòng điện là các……………dịch chuyển có hướng

A. Electron B. Ion âm

C. Điện tích D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 5: Điền từ thích hợp vào chỗ trống

Chiều dòng điện là chiều từ………………..qua…………..và………………tới của nguồn điện

A. Cực dương, dẫn dây, cực âm, thiết bị điện B. Cực dương, dẫn dây, thiết bị điện, cực âm

C. Cựa âm, dẫn dây, thiết bị điện. cực dương D. Cực âm, thiết bị điện, dẫn dây, cực dương

Câu 6: Chọn câu đúng

A. Dòng điện trong mạch có chiều cùng chiều với chiều dịch chuyển có hướng của các electron tự do trong dây dẫn kim loại

B. Dòng điện trong mạch có chiều ngược với chiều dịch chuyển có hướng của các electron tự do trong dây dẫn kim loại

C. Dòng điện trong mạch có chiều cùng với chiều dịch chuyển có hướng của các ion dương trong dây dẫn kim loại

D. Dòng điện trong mạch có chiều ngược với chiều dịch chuyển có hướng của các ion âm trong dây dẫn kim loại

Câu 7: Khi cho dòng điện chạy qua dung dịch muối đồng, sau một thời gian thấy có một lớp đồng mỏng bám vào thỏi than nối với điện cực âm của nguồn điện. Có thể giải thích hiện tượng này dựa vào tác dụng nào của dòng điện?

A. Tác dụng hóa học B. Tác dụng sinh lí

C. Tác dụng từ D. Tác dụng từ và tác dụng hóa học

Câu 8: Chọn phát biểu sai trong các câu sau:

A. Mọi đèn điện phát sáng đều do dòng điện chạy qua làm chúng nóng tới nhiệt độ cao.

B. Bóng đèn của bút thử điện phát sáng khi có dòng điện chạy qua chất khí ở trong khoảng giữa hai đầu dây bên trong đèn.

C. Vonfram được dùng làm dây tóc của bóng đèn vì nó là kim loại có nhiệt độ nóng chảy cao.

D. Đèn điôt phát quang (đèn LED) chỉ cho dòng điện đi qua theo một chiều nhất định.

Câu 9: Tác dụng nhiệt của dòng điện trong các dụng cụ nào dưới đây là có lợi?

A. Nồi cơm điện

B. Quạt điện

C. Máy thu hình (tivi)

D. Máy bơm nước

Câu 10: Chọn câu trả lời đúng: Trong quá trình sạc pin cho điện thoại di động. Dòng điện có các tác dụng gì?

A. Tác dụng nhiệt

B. Tác dụng từ

C. Tác dụng hóa học

D. Câu A và C đúng

Câu 11: Moment lực tác dụng lên vật là đại lượng:

A. đặc trưng cho tác dụng làm quay của lực.

B. véctơ.

C. để xác định độ lớn của lực tác dụng.

D. luôn có giá trị âm.

Câu 12: Đơn vị của moment lực là:

A. m/s.

B. N.m.

C. kg.m.

D. N.kg.

1. **Hoá học**

Câu 13: Trong số những chất có công thức hoá học dưới đây, chất nào có khả năng làm cho quì tím đổi màu đỏ?

A. HNO3 B. NaOH

C. Ca(OH)2 D. NaCl

Câu 14: Hòa tan hết 16,8 gam kim loại A hóa trị II trong dung dịch acid HCl, sau phản ứng thu được 7,437 lít khí H2 ở đktc. Kim loại A là

A. Fe B. Mg C. Cu D. Zn

Câu 15: Gốc axit của axit HNO3 có hóa trị mấy ?

A. II B. III C. I D. IV

Câu 16: Phát biểu đúng là

A. Môi trường kiềm có pH<7. B. Môi trường kiềm có pH>7.

C. Môi trường trung tính có pH≠7. D. Môi trường acid có pH>7.

Câu 17: Điền vào chỗ trống: "Base là những ... trong phân tử có nguyên tử kim loại liên kết với nhóm ... . Khi tan trong nước, base tạo ra ion ..."

A. Đơn chất, hydrogen, OH− B. Hợp chất, hydroxide, OH−

C. Đơn chất, hydroxide, H+ D. Hợp chất, hydrogen, H+

Câu 18: Thành phần của oxide bắt buộc phải chứa nguyên tố nào dưới đây?

A. Oxygen B. Halogen

C. Hiđro D. Lưu huỳnh

Câu 19: Cho oxide của kim loại R hóa trị IV, trong đó R chiếm 46,7% theo khối lượng. Công thức của oxide đó là:

A. MnO2 B. SiO2

C. PdO2 D. Fe3O4

Câu 20: Hoàn thành phương trình sau: KOH + ...?... → K2SO4 +H2O

A. KOH + H2SO4 → K2SO4 +H2O

B. 2KOH + SO4 → K2SO4 +2H2O

C. 2KOH + H2SO4 → K2SO4 +2H2O

D. KOH + SO4 → K2SO4 +H2O

Câu 23: NaOH có thể làm khô chất khí ẩm sau:

A. CO2 B. SO2

C. N2 D. HCl

Câu 24: Dãy chất nào sau đây gồm toàn oxit bazơ?

A. SO3; P2O5. B. Na2O; SO3.

C. SO2; CaO. D. Na2O; CaO.

1. **Sinh học**

Câu 26: Cho các hệ cơ quan sau:

1. Hệ hô hấp

2. Hệ sinh dục

3. Hệ nội tiết

4. Hệ tiêu hóa

5. Hệ thần kinh

6. Hệ vận động

Hệ cơ quan nào có vai trò điều khiển và điều hòa hoạt động của các hệ cơ quan khác trong cơ thể?

A. 1, 2, 3 B. 3, 5

C. 1, 3, 5, 6 D. 2, 4, 6

Câu 27: Khi mất khả năng dung nạp chất dinh dưỡng, cơ thể chúng ta sẽ trở nên kiệt quệ, đồng thời khả năng vận động cũng bị ảnh hưởng nặng nề. Ví dụ trên phản ánh điều gì?

A. Các hệ cơ quan trong cơ thể có mối liên hệ mật thiết với nhau

B. Dinh dưỡng là thành phần thiết yếu của cơ và xương

C. Hệ thần kinh và hệ vận động đã bị hủy hoại hoàn toàn do thiếu dinh dưỡng

D. Tất cả các phương án đưa ra

Câu 28: Thành phần nào dưới đây cần cho hoạt động trao đổi chất của tế bào?

A. Ôxi

B. Chất hữu cơ (prôtêin, lipit, gluxit…)

C. Tất cả các phương án còn lại

D. Nước và muối khoáng

Câu 29: Hoạt động co cơ có ý nghĩa gì?

A. Giúp cơ thể di chuyển

B. Giúp cơ thể vận động

C. Con người lao động được

D. Cả ba đáp án trên

Câu 30: Chức năng của cột sống là:

A. Bảo vệ tim, phổi và các cơ quan phía bên trong khoang bụng

B. Giúp cơ thể đứng thẳng, gắn xương sườn với xương ức thành lồng ngực

C. Giúp cơ thể đứng thẳng và lao động

D. Bảo đảm cho cơ thể được vận động dễ dàng

Câu 31: Biên độ co cơ có mối tương quan như thế nào với khối lượng của vật cần di chuyển ?

A. Biên độ co cơ chỉ phụ thuộc vào khối lượng của vật cần di chuyển mà không chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố khác

B. Biên độ co cơ không phụ thuộc vào khối lượng của vật cần di chuyển

C. Biên độ co cơ tỉ lệ thuận với khối lượng của vật cần di chuyển

D. Biên độ co cơ tỉ lệ nghịch với khối lượng của vật cần di chuyển

Câu 32: Quá trình tiêu hóa được thực hiện bởi hoạt động của:

A. Các tuyến tiêu hóa

B. Các cơ quan trong ống tiêu hóa

C. Hoạt động của các enzyme

D. Các cơ quan trong ống tiêu hóa và các tuyến tiêu hóa.

Câu 33: Thế nào là tiêu hoá thức ăn?

A. Biến đổi thức ăn thành các chất dinh dưỡng

B. Cơ thể hấp thụ chất dinh dưỡng qua thành ruột

C. Thải bỏ các chất thừa không hấp thụ được

D. Cả A, B và C.

Câu 34: Để phòng ngừa các bệnh tim mạch, chúng ta cần lưu ý điều gì ?

A. Thường xuyên vận động và nâng cao dần sức chịu đựng

B. Nói không với rượu, bia, thuốc lá, mỡ, nội tạng động vật và thực phẩm chế biến sẵn

C. Ăn nhiều rau quả tươi, thực phẩm giàu Omega – 3

D. Tất cả các phương án còn lại

Câu 35: Khả năng vận chuyển khí của hồng cầu có được là nhờ loại sắc tố nào ?

A. Hêmôerythrin B. Hêmôxianin

C. Hêmôglôbin D. Miôglôbin

Câu 36: Sản phẩm bài tiết của thận là gì ?

A. Nước mắt

B. Nước tiểu

C. Phân

D. Mồ hôi

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐIỂM** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**  **Môn: Khoa học tự nhiên**  **Kết nối tri thức**  **ĐỀ 2** |

1. **Trắc nghiệm**
2. **Vật Lý**

Câu 1: Chọn câu giải thích đúng. Tại sao khi lau kính bằng các khăn vải khô ta thấy không sạch bụi

A. Vì khăn vải khô làm kính bị trầy xước

B. Vì khăn vải khô không dính được các hạ bụi

C. Vì khăn vải khô làm kính bị nhiễm điện nên sẽ hút các hạt bụi và các bụi vải

D. Cả ba câu đều sai

Câu 2: Chọn câu sai. Vật bị nhiễm điện:

A. Có khả năng đẩy các vật khác B. Có khả năng làm sáng bóng đèn bút thử điện

C. Còn được gọi là vật mang điện tích D. Không có khả năng đẩy các vật khác

Câu 3: Loại hạt nào dưới đây khi chuyển động có hướng thì không thành dòng điện?

A. Các hạt mang điện tích dương. B. Các hạt nhân của nguyên tử.

C. Các nguyên tử. D. Các hạt mang điện tích âm.

Câu 4: Chọn câu trả lời đúng

Khi dùng một sợi dây đồng nối liền hai cực của một cục pin thì:

A. Các ion dương trong sợi dây đồng dịch chuyển từ cực dương sang cực âm

B. Các ion âm trong sợi dây đồng dịch chuyển từ cực dương sang cực âm

C. Các điện tử tự do trong sợi dây đồng dịch chuyển từ cực âm sang cực dương

D. Các điện tử tự do trong sợi dây đòng dịch chuyển từ cực dương sang cực âm

Câu 5: Chọn câu trả lời đúng

Dòng điện chạy trong mạng điện gia đình là:

A. Dòng điện không đổi B. Dòng điện một chiều

C. Dòng điện xoay chiều D. Dòng điện biến thiên

Câu 6: Chọn câu sai:

A. Đơn vị của cường độ dòng điện được đặt theo tên nhà bác học người Pháp Ampe

B. Với dòng điện cường độ 1 A chạy qua dây dẫn kim loại thì có 1 electron dịch chuyển qua tiết diện ngang của dây dẫn đó trong 1 giây

C. Mỗi dòng điện sẽ hoạt động bình thường nếu dòng điện chạy qua nó có cường độ định mức

D. Dòng điện càng mạnh thì cường độ dòng điện càng lớn

Câu 7: Có một pin, một bóng đèn pin, một công tắc, các đoạn dây nối (hình bên). Làm cách nào để bóng đèn pin phát sáng?

A. Nối đèn pin với pin

B. Không thể làm đèn pin phát sáng

C. Ta phải dùng các đoạn dây nối để nối các dụng cụ: pin, bóng đèn, công tắc với nhau thành một mạch hở

D. Ta phải dùng các đoạn dây nối để nối các dụng cụ: pin, bóng đèn, công tắc với nhau thành một mạch kín.

Câu 8: Nếu ta chạm vào dây điện trần (không có lớp cách điện) dòng điện sẽ truyền qua cơ thể gây co giật, bỏng thậm chí có thể gây chết người là do:

A. Tác dụng sinh lí của dòng điện

B. Tác dụng hóa học của dòng điện

C. Tác dụng từ của dòng điện

D. Tác dụng nhiệt của dòng điện

Câu 9: Phát biểu nào dưới đây là sai?

A. Cuộn dây dẫn quấn quanh lõi sắt khi có dòng điện chạy qua có khả năng hút các vật bằng sắt thép.

B. Cuộn dây dẫn quấn quanh lõi sắt khi có dòng điện chạy qua có khả năng làm quay kim nam châm.

C. Cuộn dây dẫn quấn quanh lõi sắt có khả năng hút mọi vật bằng sắt, thép và làm quay kim nam châm.

D. Cuộn dây dẫn quấn quanh lõi sắt khi có dòng điện chạy qua có tác dụng (vai trò) như một nam châm.

Câu 10: Chọn câu trả lời đúng: Bóng đèn huỳnh quang trong gia đình phát sáng là do

A. Tác dụng nhiệt của dòng điện

B. Tác dụng hóa học của dòng điện

C. Dựa trên tác dụng từ của dòng điện

D. Cả A, B, C đều sai

Câu 11: Điền vào chỗ trống: "Độ lớn của moment lực ... với độ lớn của lực và khoảng cách từ điểm tác dụng của lực đến trục quay."

A. Tỉ lệ thuận

B. Tỉ lệ nghich

C. Bằng

C. Không có đáp án đúng

Câu 12: Khi lực tác dụng vào vật có giá không song song và không cắt trục quay thì sẽ?

A. Làm quay vật

B. Làm vật đứng yên

C. Không tác dụng lên vật

D. Vật tịnh tiến

1. **Hoá học**

Câu 13: Cho 5,6 g sắt tác dụng với hydrochloric acid dư, sau phản ứng thể tích khí H2 thu được (ở đktc):

A. 1,24 lít . B. 2,479 lít.

C. 12,4 lít. D. 24,79 lít.

Câu 14: Cho các chất sau: H2SO4, HCl, NaCl, CuSO4, NaOH, Mg(OH)2. Số chất thuộc loại axit là:

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 15: Ứng dụng của hydrochloric acid được dùng để

A. Điều chế glucose B. Làm sạch bề mặt kim loại trước khi hàn

C. Chế biến dược phẩm D. A, B, C đều đúng

Câu 16: Ở một số khu vực, không khí bị ô nhiễm bởi các chất khí như SO2, NO2,... sinh ra trong sản xuất công nghiệp và đốt cháy nhiên liệu. Các khí này có thể hòa tan vào nước và gây ra hiện tượng:

A. Đất bị phèn, chua

B. Đất bị nhiễm mặn

C. Mưa acid

D. Nước bị nhiễm kiềm

Câu 17: Tìm phát biểu đúng:

A. Bazơ là hợp chất mà phân tử chỉ có chứa nguyên tử kim loại

B. Axit là hợp chất mà phân tử chỉ có chứa một nguyên tử H

C. Bazơ hay còn gọi là kiềm

D. Chỉ có bazơ tan mới gọi là kiềm

Câu 18: Base nào là kiềm?

A. Ba(OH)2 B. Cu(OH)2

C. Mg(OH)2 D. Fe(OH)2

Câu 19: Oxide phi kim nào dưới đây không phải là oxide acid?

A. CO2 B. CO

C. SiO2 D. Cl2O

Câu 20: CaO dùng làm chất khử chua đất trồng là ứng dụng tính chất hóa học gì của CaO?

A. Tác dụng với acid B. Tác dụng với base

C. Tác dụng với oxide acid D. Tác dụng với muối

Câu 21: Hoàn thành phương trình sau: KMnO4 → …. + …. + …..

A. 2KMnO4 → K2MnO2 + MnO2 + O2

B. 2KMnO4 → K2Mn2O4 + MnO + O2

C. 2KMnO4 → K2MnO2 + MnO + O2

D. 2KMnO4 → K2MnO4 + MnO2 + O2

Câu 22 Chọn công thức đúng trong của Ba và PO4:

A. Ba2PO4. B. Ba3(PO4)2.

C. Ba3PO4. D. BaPO4.

Câu 23: Các yếu tố ảnh hưởng đến cân bằng hoá học là .

A. nồng độ, nhiệt độ và chất xúc tác. B. nồng độ, áp suất và diện tích bề mặt.

C. nồng độ, nhiệt độ và áp suất. D. áp suất, nhiệt độ và chất xúc tác.

Câu 24: Khi cho cùng một lượng nhôm vào cốc đựng dung dịch axit HCl 0,1M, tốc độ phản ứng sẽ lớn nhất khi dùng nhôm ở dạng nào sau đây ?

A. Dạng viên nhỏ. B. Dạng bột mịn, khuấy đều.

C. Dạng tấm mỏng. D. Dạng nhôm dây.

1. **Sinh học**

Câu 25: Khi chúng ta tập thể thao, hệ cơ quan nào dưới đây sẽ tăng cường độ hoạt động ?

A. Hệ tuần hoàn B. Hệ hô hấp

C. Hệ vận động D. Tất cả các phương án còn lại

Câu 26: Khi chạy có những hệ cơ quan nào hoạt động?

1. Hệ tuần hoàn 2. Hệ hô hấp 3. Hệ bài tiết 4. Hệ thần kinh

5. Hệ nội tiết 6. Hệ sinh dục 7. Hệ vận động

Chọn câu trả lời đúng trong các câu sau:

A. 1,2,3,4,5,6 B. 1, 3,4, 5, 6, 7

C. 1,2,3,4,5,7 D. 1,2,3,4,6,7

Câu 27: Hệ cơ quan nào dưới đây phân bố ở hầu hết mọi nơi trong cơ thể người ?

A. Hệ tuần hoàn B. Hệ hô hấp

C. Hệ tiêu hóa D. Hệ bài tiết

Câu 28: Vì sao xương đùi của con người lại phát triển hơn so với phần xương tương ứng của thú ?

A. Vì con người cường độ hoạt động mạnh hơn các loài thú khác nên kích thước các xương chi (bao gồm cả xương đùi) phát triển hơn.

B. Vì con người có tư thế đứng thẳng nên trọng lượng phần trên cơ thể tập trung dồn vào hai chân sau và xương đùi phát triển để tăng khả năng chống đỡ cơ học.

C. Vì xương đùi ở người nằm ở phần dưới cơ thể nên theo chiều trọng lực, chất dinh dưỡng và canxi tập trung tại đây nhiều hơn, khiến chúng phát triển lớn hơn so với thú.

D. Tất cả các phương án đưa ra.

Câu 29: Hiện tượng mỏi cơ có liên quan mật thiết đến sự sản sinh loại axit hữu cơ nào ?

A. Axit axêtic B. Axit malic

C. Axit acrylic D. Axit lactic

Câu 30: Sự khác biệt trong hình thái, cấu tạo của bộ xương người và bộ xương thú chủ yếu là do nguyên nhân nào sau đây ?

A. Tư thế đứng thẳng và quá trình lao động

B. Sống trên mặt đất và cấu tạo của bộ não

C. Tư thế đứng thẳng và cấu tạo của bộ não

D. Sống trên mặt đất và quá trình lao động

Câu 31: Bữa ăn hợp lý dựa trên nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể nhằm đáp ứng được yêu cầu?

A. Cung cấp cho cơ thể đủ các chất dinh dưỡng theo nhu cầu, lứa tuổi, khả năng lao động, môi trường, khí hậu.

B. Đảm bảo bữa ăn hàng ngày cân đối, đủ dinh dưỡng để phát triển tốt thể lực và trí lực, có sức khỏe để lao động

C. Thức ăn phải đảm bảo an toàn vệ sinh, không được là nguồn lây bệnh

D. Tất cả các đáp án trên

Câu 32: Cơ quan nào dưới đây không nằm trong ống tiêu hóa?

A. Thực quản B. Dạ dày

C. Tuyến ruột D. Tá tràng

Câu 33: Trong máu, huyết tương chiếm tỉ lệ bao nhiêu về thể tích ?

A. 75% B. 60% C. 45% D. 55%

Câu 34: Loại tế bào máu nào đóng vai trò chủ chốt trong quá trình đông máu ?

A. Hồng cầu B. Bạch cầu

C. Tiểu cầu D. Tất cả các phương án còn lại

Câu 35: Bộ phận nào có vai trò dẫn nước tiểu từ bể thận xuống bóng đái ?

A. Ống dẫn nước tiểu B. Ống thận

C. Ống đái D. Ống góp

Câu 36: Sự ứ đọng và tích lũy chất nào dưới đây có thể gây sỏi thận ?

A. Tất cả các phương án còn lại B. Axit uric

C. Ôxalat D. Xistêin

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐIỂM** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**  **Môn: Khoa học tự nhiên**  **Kết nối tri thức**  **ĐỀ 3** |

1. **Trắc nghiệm**
2. **Vật Lý**

Câu 1: Chọn câu trả lời đúng. Dùng mảnh vải khô để cọ xát, thì có thể làm cho vật nào dưới đây mang điện tích:

A. Thanh sắt

B. Thanh thép

C. Thanh nhựa

D. Thanh gỗ

Câu 2: Trong các kết luận sau đây, kết luận nào sai?

A. Các vật đều có khả năng nhiễm điện.

B. Trái Đất hút được các vật nên nó luôn luôn bị nhiễm điện.

C. Nhiều vật sau khi bị cọ xát trở thành các vật nhiễm điện.

D. Có thể làm nhiễm điện nhiều vật bằng cách cọ xát.

Câu 3: Chọn câu trả lời đúng. Một trong những nguyên nhân tạo thành các đám mây dông bị nhiễm điện là do:

A. Sự cọ xát mạnh giữa những giọt nước trong luồng không khí bốc lên cao

B. Sự có xát mạnh giữa các luồng không khí

C. Gió làm cho đám mây bị nhiễm điện

D. Cả ba câu trên dều sai

Câu 4: Quy ước nào sau đây là đúng

A. Chiều dòng điện là chiều đi từ cực âm của nguồn điện qua vật dẫn tới cực dương của nguồn điện

B. Chiều dòng điện là chiều đi từ cực dương của nguồn qua vật dẫn tới cực âm của nguồn điện

C. Cực dương của nguồn điện là cực xuất phát của các electron khi mắc nguồn với dụng cụ tiêu thụ điện thành mạch kín

D. Cực âm của nguồn điện là cực đến của các electron khi mắc nguồn với dụng cụ tiêu thụ điện thành mạch kín

Câu 5: Tại sao có thể thắp sáng bóng đèn được lắp ở nhiều xe đạp mà chỉ dùng có một dây điện nối giữa đinamô và bóng đèn?

A. vì đinamô là một nguồn điện loại đặc biệt nên chỉ cần dùng một dây điện.

B. vì bóng đèn lắp cho xe đạp là loại đặc biệt nên chỉ cần dùng một dây điện.

C. vì còn có một dây điện ngầm bên trong khung xe đạp nối giữa đinamô và bóng đèn.

D. vì chính khung xe đạp có tác dụng như một dây điện nữa nối giữa đinamô và bóng đèn.

Câu 6: Cầu chì có tác dụng gì?

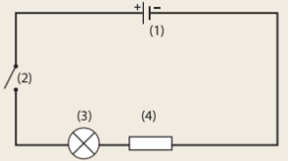
A. Thay đổi dòng điện khi dòng điện đột ngột giảm quá mức.

B. Bảo vệ các thiết bị điện khác trong mạch không bị hỏng khi dòng điện đột ngột tăng quá mức.

C. Thay đổi dòng điện khi dòng điện đột ngột tăng quá mức.

D. Bảo vệ các thiết bị điện khác trong mạch không bị hỏng khi dòng điện đột ngột giảm quá mức.

Câu 7: Thiết bị số (1) trong hình sau là gì?



A. Bóng đèn B. Công tắc mở

C. Điện trở D. Nguồn điện

Câu 8: Thiết bị số (2) trong hình là gì?

A. Bóng đèn B. Công tắc mở

C. Điện trở D. Nguồn điện

Câu 9: Thiết bị số (3) trong hình ở Câu 16 là gì?

A. Bóng đèn B. Công tắc mở

C. Điện trở D. Nguồn điện

Câu 10: Thiết bị số (4) trong hình là gì?

A. Bóng đèn B. Công tắc mở

C. Điện trở D. Nguồn điện

Câu 11: Để mạ kẽm cho một cuộn dây thép thì phải:

A. Ngâm cuộn dây thép trong dung dịch muối kẽm rồi đun nóng dung dịch.

B. Nối cuộn dây thép với cực âm của nguồn điện rồi nhúng vào dung dịch muối kẽm và đóng mạch cho dòng điện chạy qua dung dịch một thời gian

C. Ngâm cuộn dây trong dung dịch muối kẽm rồi cho dòng điện chạy qua dung dịch này.

D. Nối cuộn dây thép với cực dương nguồn điện rồi nhúng vào dung dịch muối kẽm và cho dòng điện chạy qua dung dịch.

Câu 12: Khi tiến hành thí nghiệm cho dòng điện chạy qua đùi ếch thì đùi ếch co lại, đó là tác dụng nào của dòng điện?

A. Tác dụng hóa học B. Tác dụng từ

C. Tác dụng sinh lí D. Tác dụng nhiệt

1. **Hoá học**

Câu 13: Hoà tan hết 3,6 g một kim loại hoá trị II bằng dung dịch H2SO4 loãng được 3,719 lít H2 (đktc). Kim loại là:

A. Zn . B. Mg. C. Fe. D. Ca.

Câu 14: Ứng dụng của Sulfuric acid là:

A. Sản xuất sơn B. Sản xuất chất dẻo

C. Sản xuất phân bón D. Tất cả các đáp án trên

Câu 15: Tên gọi của H2SO3 là

A. Hiđrosunfua B. Axit sunfuric

C. Axit sunfuhiđric D. Axit sunfurơ

Câu 18: Thang pH thường dùng có các giá trị:

A. Từ 5 đến 8 B. Từ 1 đến 14

C. Từ 1 đến 13 D. Từ 1 đến 7

Câu 19: Cho 200ml dung dịch Ba(OH)2 0,4M vào 250ml dung dịch H2SO4 0,3M. Khối lượng kết tủa thu được là:

A. 17,645 g B. 16,475 g

C. 17,475 g D. 18,645 g

Câu 20: Axit tương ứng của CO2

A. H2SO4 B. H3PO4

C. H2CO3 D. HCl

Câu 21: Oxide nào dưới đây không phải là oxide acid?

A. SO2 B. SO3

C. FeO D. N2O5

Câu 22: Sữa tươi có độ pH ở khoảng:

A. 5,6 B. 6,7

C. 7,8 D. 8,9

Câu 23: Đâu là phản ứng tạo khí O2 trong công nghiệp:

A. KClO → KCl + O2.

B. KClO2 → KCl + O2.

C. KClO3 → KClO + O2.

D. KClO3 → KCl + O2.

Câu 24. 3H2O nghĩa là như thế nào

A. 3 phân tử nước B. Có 3 nguyên tố nước trong hợp chất

C. 3 nguyên tố oxi D. Tất cả đều sai

1. **Sinh học**

Câu 25: Khi mất khả năng dung nạp chất dinh dưỡng, cơ thể chúng ta sẽ trở nên kiệt quệ, đồng thời khả năng vận động cũng bị ảnh hưởng nặng nề. Ví dụ trên phản ánh điều gì ?

A. Các hệ cơ quan trong cơ thể có mối liên hệ mật thiết với nhau

B. Dinh dưỡng là thành phần thiết yếu của cơ và xương

C. Hệ thần kinh và hệ vận động đã bị hủy hoại hoàn toàn do thiếu dinh dưỡng

D. Tất cả các phương án đưa ra

Câu 26: Chức năng co dãn tạo nên sự vận động, đây là chức năng của loại mô nào sau đây?

A. Mô cơ B. Mô liên kết

C. Mô biểu bì D. Mô thần kinh

Câu 27: Hệ cơ ở người được phân chia thành mấy loại mô ?

A. 5 loại B. 4 loại

C. 3 loại D. 2 loại

Câu 28: Để chống vẹo cột sống, cần phải làm gì?

A. Khi ngồi phải ngay ngắn, không nghiêng vẹo B. Mang vác về một bên liên tục

C. Mang vác quá sức chịu đựng D. Cả ba đáp án trên

Câu 29: Chọn cặp từ thích hợp để điền vào các chỗ trống trong câu sau : Xương to ra về bề ngang là nhờ các tế bào …(1)… tạo ra những tế bào mới đẩy …(2)… và hóa xương.

A. (1) : mô xương cứng ; (2) : ra ngoài B. (1) : mô xương xốp ; (2) : vào trong

C. (1) : màng xương ; (2) : ra ngoài D. (1) : màng xương ; (2) : vào trong

Câu 30: Các hoạt động xảy ra trong quá trình tiêu hóa là?

A. Ăn và uống

B. Thải phân

C. Hấp thụ chất dinh dưỡng

D. Tất cả các đáp án trên

Câu 31: Sắp xếp theo thứ tự thường xuyên xuất hiện trong khẩu phần dinh dưỡng của người việt?

A. Ngũ cốc => rau củ => trái cây => cá, thịt, sữa,… => dầu mỡ => đường => muối

B. Rau củ => trái cây => ngũ cốc => cá, thịt, sữa,… => dầu mỡ => đường => muối

C. Rau củ => trái cây => ngũ cốc => cá, thịt, sữa,… => dầu mỡ => đường => muối

D. Ngũ cốc => cá, thịt, sữa,…=> rau củ => trái cây => dầu mỡ => đường => muối

Câu 32: Trật tự đúng về đường đi của máu trong hệ tuần hoàn hở là

A. Tim → Động mạch→ khoang cơ thể→ trao đổi chất với tế bào→ hỗn hợp máu - dịch mô→ tĩnh mạch→ tim

B. Tim→ động mạch→ trao đổi chất với tế bào→ hỗn hợp máu→ dịch mô→ khoang cơ thể→ tĩnh mạch→ tim

C. Tim→ động mạch→ hỗn hợp máu - dịch mô→ khoang cơ thể → trao đổi chất với tế bào→ tĩnh mạch→ tim

D. Tim→ động mạch→ khoang cơ thể→ hỗn hợp máu - dịch mô→ trao đổi chất với tế bào → tĩnh mạch→ tim

Câu 33: Trong hệ tuần hoàn mở, máu chảy trong động mạch dưới áp lực

A. Cao, Tốc độ máu chảy nhanh

B. Thấp, tốc độ máu chảy chậm

C. Thấp, tốc độ máu chảy nhanh

D. Cao, tốc độ máu chạy chậm

Câu 34: Để bảo vệ hệ bài tiết nước tiểu, chúng ta cần tránh điều gì sau đây ?

A. Ăn quá mặn, quá chua B. Uống nước vừa đủ

C. Đi tiểu khi có nhu cầu D. Không ăn thức ăn ôi thiu, nhiễm độc

Câu 35: Cơ quan giữ vai trò quan trọng nhất trong hệ bài tiết nước tiểu là

A. bóng đái. B. thận.

C. ống dẫn nước tiểu. D. ống đái.

Câu 36: Tác nhân nào dưới đây có thể gây hại cho hệ bài tiết nước tiểu ?

A. Khẩu phần ăn uống không hợp lí

B. Vi sinh vật gây bệnh

C. Tất cả các phương án còn lại

D. Các chất độc có trong thức ăn